

Bản án số: 134/2023/HNGĐ-ST

Ngày 28-6-2023

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Hồ Diệp

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Mạnh Hùng

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thủy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 160/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2023 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L; nơi cư trú: Tổ 3 Quỳnh Cư, phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn N; ĐKKHTT: Tổ 3 Quỳnh Cư, phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện tại: 41 Haslingden Rd Lockyer Waters QLD 4311, Úc; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng vào ngày 24 tháng 12 năm 2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm

sống dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã. Hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không đạt kết quả. Mâu thuẫn đỉnh điểm thì anh N bỏ đi nước ngoài từ tháng 3 năm 2019. Từ khi sang Úc, anh chị không hỏi thăm, không liên lạc, không quan tâm đến nhau và sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị L nhận thấy hôn nhân không có hạnh phúc, vợ chồng hiện không còn chung sống cùng nhau, không ai quan tâm đến nhau nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Phan Anh, sinh ngày 20/9/2009 và Nguyễn Phương Anh, sinh ngày 15/12/2017, hiện đang ở với bà nội. Ly hôn, chị L yêu cầu giao 02 con chung cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con, anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai (đã được hợp pháp hóa lãnh sự), anh Nguyễn Văn N trình bày như sau:

Anh và chị Nguyễn Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng vào ngày 24 tháng 12 năm 2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã. Hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không đạt kết quả. Mâu thuẫn đỉnh điểm thì anh N bỏ đi nước ngoài từ tháng 3 năm 2019. Từ khi sang Úc, vợ chồng không hỏi thăm, không liên lạc, không quan tâm đến nhau và sống ly thân từ đó đến nay. Nay anh N nhận thấy hôn nhân không có hạnh phúc, vợ chồng hiện không còn chung sống cùng nhau, không ai quan tâm đến nhau nữa, anh N biết chị L đang làm đơn xin ly hôn với anh tại Tòa án nên anh N gửi bản tự khai về cho Tòa án đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Phan A, sinh ngày 20/9/2009 và Nguyễn Phương Anh, sinh ngày 15/12/2017, hiện đang ở với bà nội. Ly hôn, anh N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung để hoàn thiện thủ tục cho hai con sang nước ngoài với anh N. Về cấp dưỡng nuôi con, anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn là anh Nguyễn Văn N hiện đang cư trú ở Úc, nguyên đơn là chị

Nguyễn Thị L hiện nay đang sinh sống tại Hải Phòng, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L và bị đơn là anh Nguyễn Văn N vắng mặt nhưng cùng có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn N theo khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng vào ngày 24 tháng 12 năm 2008. Theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và bị đơn, nhận thấy: Sau khi kết hôn, chị L và anh N chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Xét thấy, vợ chồng đã ly thân một thời gian dài, anh chị nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc, đến nay không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị L yêu cầu xin ly hôn với anh N, anh N đồng ý, do đó cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L đối với anh Nguyễn Văn N.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn N cùng thống nhất khi ly hôn, yêu cầu Tòa án giao con chung cháu Nguyễn Phan A, sinh ngày 20/9/2009 và Nguyễn Phương Anh, sinh ngày 15/12/2017 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu Nguyễn Phan A có đơn trình bày nguyện vọng muốn ở với anh N nếu anh N và chị L ly hôn. Xét thấy yêu cầu về việc nuôi con chung của anh chị là tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên cần ghi nhận sự tự nguyện của anh chị về việc tạm thời không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn N được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Giao hai con chung là cháu Nguyễn Phan Anh, sinh ngày 20/9/2009 và Nguyễn Phương Anh, sinh ngày 15/12/2017 cho anh Nguyễn Văn N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn N, tạm thời không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001517 ngày 24 tháng 5 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị L đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ.

Anh Nguyễn Văn N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Hồ Điệp